

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam được lập ngày 14 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo tài chính của các Công ty liên kết, gồm: Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật, Công ty TNHH Nissin Logistics (Việt Nam), Công ty TNHH Lotte Vinatrans Global Logistics (Việt Nam), Công ty TNHH Agility cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được sử dụng để hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính kèm theo chưa được kiểm toán. Chúng tôi đã không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp và đầy đủ liên quan đến mức độ tin cậy của các thông tin trong các báo cáo tài chính chưa được kiểm toán này của các công ty liên kết nêu trên. Do đó, chúng tôi không xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh hoặc thuyết minh bổ sung cho báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo hay không.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 các hợp đồng thuê đất của Công ty đã hết thời hạn thuê và đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục để xin gia hạn với các hợp đồng thuê đất này.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2023-002-1

75 - C
TY
HUUH
M TO
SC
A - TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		263.544.426.602	214.557.098.569
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	27.797.619.714	23.087.186.768
111	1. Tiền		27.797.619.714	18.087.186.768
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	5.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	169.019.200.000	129.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		169.019.200.000	129.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		63.513.493.609	60.505.329.966
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	39.578.943.669	30.121.057.471
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	976.580.346	798.004.052
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	23.700.429.199	30.197.760.461
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(742.459.605)	(611.492.018)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.530.640.231	166.611.789
141	1. Hàng tồn kho		1.530.640.231	166.611.789
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.683.473.048	1.797.970.046
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	132.894.758	121.746.364
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	17.286.360
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	1.550.578.290	1.658.937.322
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		343.933.532.163	339.906.441.423
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		717.200.000	410.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	717.200.000	410.000.000
220	II. Tài sản cố định		16.621.740.119	18.098.439.807
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.890.981.119	8.474.680.807
222	- Nguyên giá		40.923.904.720	45.362.433.760
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(34.032.923.601)	(36.887.752.953)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.730.759.000	9.623.759.000
228	- Nguyên giá		10.018.978.000	9.911.978.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(288.219.000)	(288.219.000)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	13	228.900.000	31.500.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		228.900.000	31.500.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	4	325.549.152.321	321.100.922.203
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		270.046.442.363	234.479.012.245
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		54.502.709.958	54.602.709.958
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.000.000.000	32.019.200.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		816.539.723	265.579.413
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	816.539.723	265.579.413
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		607.477.958.765	554.463.539.992

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		46.858.026.379	43.867.416.807
310	I. Nợ ngắn hạn		45.149.931.379	43.408.416.807
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	17.356.552.954	16.044.641.614
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.634.235.942	614.469.137
314	3. Phải trả người lao động		15.866.277.666	18.377.284.234
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	4.418.861.399	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	17	1.022.312.337	2.435.195.548
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4.851.691.081	5.936.826.274
330	II. Nợ dài hạn		1.708.095.000	459.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	1.708.095.000	459.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		560.619.932.386	510.596.123.185
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	560.619.932.386	510.596.123.185
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		255.000.000.000	255.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		255.000.000.000	255.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		136.193.960	136.193.960
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		303.375.247.375	253.295.682.726
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		217.218.978.007	191.209.601.423
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		86.156.269.368	62.086.081.303
429	4. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		2.108.491.051	2.164.246.499
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		607.477.958.765	554.463.539.992



Phan Thị Kim Chi
Người lập biểu



Ninh Kim Thoa
Phụ trách kế toán



Lê Hoàng Như Uyên
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	214.175.613.459	226.039.261.740
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		214.175.613.459	226.039.261.740
11	3. Giá vốn hàng bán	21	187.400.227.520	218.884.095.839
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.775.385.939	7.155.165.901
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	65.630.590.463	44.761.181.121
22	6. Chi phí tài chính	23	163.384.867	15.434.801
24	7. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		35.567.430.119	28.356.648.407
25	8. Chi phí bán hàng	24	15.157.864.249	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	25.901.810.859	16.884.556.183
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		86.750.346.546	63.373.004.445
31	11. Thu nhập khác	26	588.256.216	526.886.630
32	12. Chi phí khác	27	438.485.894	25.757.486
40	13. Lợi nhuận khác		149.770.322	501.129.144
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		86.900.116.868	63.874.133.589
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	799.602.948	1.748.289.801
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		86.100.513.920	62.125.843.788
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		86.156.269.368	62.086.081.303
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(55.755.448)	39.762.485
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	3.379	2.435


Phan Thị Kim Chi
Người lập biểu


Ninh Kim Thoa
Phụ trách kế toán



Lê Hoàng Như Uyên
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		86.900.116.868	63.874.133.589
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(99.890.141.598)	(71.143.465.029)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.690.892.328	2.145.483.815
03	- Các khoản dự phòng		130.967.587	(199.088.982)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(206.410.809)	13.246.578
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(101.505.590.704)	(73.103.106.440)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(12.990.024.730)	(7.269.331.440)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.899.555.312)	(4.606.290.403)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(1.364.028.442)	1.778.888.578
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		4.077.673.469	(614.435.352)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(562.108.704)	(214.335.424)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.229.841.811)	(5.598.987.361)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.363.477.693)	(6.141.314.490)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(27.331.363.223)	(22.665.805.892)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(429.770.000)	(1.267.081.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		552.331.584	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(245.000.000.000)	(37.519.200.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		236.000.000.000	67.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(19.764.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		100.000.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		71.214.752.480	45.919.431.654
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		62.437.314.064	54.369.149.836

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

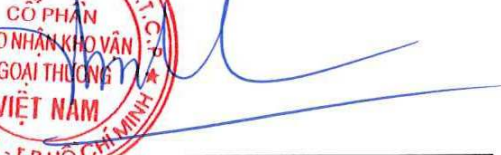
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(30.601.800.000)	(20.389.200.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(30.601.800.000)</i>	<i>(20.389.200.000)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.504.150.841	11.314.143.944
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		23.087.186.768	11.796.720.332
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		206.282.105	(23.677.508)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		<u>3 27.797.619.714</u>	<u>23.087.186.768</u>



Phan Thị Kim Chi
Người lập biểu



Ninh Kim Thoa
Phụ trách kế toán



Lê Hoàng Như Uyên
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023